TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH XUYÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/DS - ST
Ngày 30-8-2019
"V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thủy
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông Nguyễn Quang Thái
2.Bà Lê Thị Bích Thuần

***-Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Phương Nhật Mai; Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 tháng 8 năm 2019 và ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2019/TLST – DS ngày 15 tháng 01 năm 2019 về " Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST – DS ngày 15 tháng 05 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K , sinh năm 1939, "có mặt".

Người đại diện theo ủy quyền của bà K là chị Phạm Thị Y, sinh năm 1973, cư trú: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh phúc (Theo văn bản ủy quyền ngày 25 tháng 8 năm 2018), "có mặt".

2. Bị đơn: Anh Lê Ngọc S, sinh năm 1969 và chị Đặng Thị T, sinh năm 1973, "đều vắng mặt".

Các đương sự đều cư trú: Thôn G, xã T, huyện B, Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 09 năm 2018 và những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị K trình bày: Bà là chủ sử dụng thửa đất số 490, tờ bản đồ số 62, diện tích 380,9 đã được cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất mang tên bà số giấy chứng nhận CE 876264, cấp ngày 11 tháng 3 năm 2019, hiện nay chỉ có mình bà ở trên đất này. Ngày 22 tháng 2 năm 2018 vợ chồng anh S và chị T đã phá nhà để làm nhà mới có phá đi phần tường bao mà gia đình bà đã xây, phần tường có chiều dài 7m, chiều cao 1,5m mà không xin phép bà, phần tường này bà xây lại cuối năm 2017. Sau khi phá tường bà có sang nhà anh S, chị T trao đổi, nhưng anh, chị đã hung hăng và có những lời lẽ thiếu thiện chí. Bà đã làm đơn lên đề nghị Ủy ban nhân dân xã giải quyết nhưng xã chưa giải quyết được. Nay bà đề nghị Tòa án buộc anh Lê Ngọc S và chị Đặng Thị T phải bồi thường cho bà phần tường mà anh S, chị T đã thuê máy múc phá của bà, phần tường đã phá khoảng:

500 viên gạch xi đá x 1.900 đồng/viên = 950.000 đồng

01 khối cát x 200.000 đồng = 200.000 đồng

02 tạ xi x 120.000 đồng = 240.000 đồng

3.5 công thợ x 300.000 đồng/công = 1.050.000 đồng

Những người xây tường cho bà gồm có: Ông Nguyễn Văn H, ông T, ông Q (Thôn H – xã T, huyện B), ông S ở xã T, ông L chứng kiến.

Phần tường mà anh S, chị T phá của bà trị giá 2.440.000 đồng (Hai triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tuy nhiên khi xem xét thẩm định tại chỗ đã xác định phần công trình ông S phá dỡ vẫn còn móng, phần móng này được chia làm 02 phần, phần móng tường mà bà K yêu cầu giải quyết có chiều dài 8,05m xây bằng gạch đá ong và gạch chỉ, phần móng còn lại xây bằng gạch xỉ vôi. Vì vậy bà K đã thống nhất với kết quả thẩm định tại chỗ xác định chiều dài bức tường đã bị phá là 8,05m và đề nghị định giá, giải quyết buộc vợ chồng anh S, chị T phải bồi thường bức tường đã bị phá dỡ có chiều dài 8,05m, cao 1,5m, dày 15cm.

Tại các lời khai và tại phiên tòa, chị Phạm Thị Y là người đại diện theo ủy quyền của bà K trình bày: Chị nhất trí với quan điểm của bà K.

Tại bản tự khai và các lời khai bị đơn anh Lê Ngọc S trình bày: Vào khoảng năm 2017 bố anh là Lê Văn T và mẹ anh là Dương Thị N có chia cho vợ chồng anh 01 thửa đất có diện tích 373,6m2. Phần gianh giới tiếp giáp với đất của bà Nguyễn Thị K là 03 gian công trình phụ do bố mẹ anh xây từ năm 1995, xây bằng gạch chỉ, lợp mái Bờ rô xi măng, phần móng xây bằng gạch xỉ than trộn vôi đóng bằng thủ công. Gianh giới giữa nhà anh với nhà bà K là bức tường công trình phụ như anh đã mô tả, không có tường bao ngăn cách hai nhà. Vào khoảng tháng 2 năm 2018 anh phá dãy công trình phụ lấy mặt bằng làm lán để xe. Khi phá công trình phụ anh vẫn để lại phần móng của bức tường công trình phụ giáp với phần đất của bà K (hiện nay vẫn còn nguyên). Sau khi phá xong bà K có gặp anh ở ngoài đường và nói anh phá dãy chuồng lợn mà không bảo bà và anh có bảo với bà K là cháu phá công trình phụ nhà cháu, cháu không phải bảo bà. Nay bà K kiện yêu cầu vợ chồng anh phải bồi thường cho bà bức tường trị giá 2.440.000 đồng thì anh không nhất trí vì anh không phá tường của bà K nên anh không bồi thường.

Tại biên bản lấy lời khai chị Đặng Thị T trình bày: Chị là vợ anh Lê Ngọc S, theo chị nhà bà K không có bức tường như bà K trình bày trong đơn khởi kiện. Toàn bộ phần tiếp giáp với nhà bà K là công trình phụ của gia đình chị do bố chồng chị xây từ trước, sau đó cho vợ chồng chị, không có phần tường bao của bà K như bà K trình bày trong đơn khởi kiện. Khoảng tháng 2 năm 2018 gia đình chị có phá phần công trình phụ này để xây nhà để xe như hiện nay. Toàn bộ việc phá dỡ này là do chồng chị thực hiện chị không tham gia gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đều đúng thẩm quyền, trình tự pháp luật, Thẩm phán, thư ký đều thực hiện đầy đủ quyền hạn và nghĩa vụ, Hội đồng xét xử đúng thành phần tuân theo đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa nguyên đơn chấp hành tốt nội quy phiên tòa, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định, bị đơn không thực hiện đúng theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị K với anh Lê Ngọc S và chị Đặng Thị T là tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản, xét thấy chị Đặng Thị T không tham gia việc phá dỡ phần tường bao của bà Nguyễn Thị K, chỉ có cơ sở về việc anh Lê Ngọc S phá dỡ phần tường bao của bà K, vì vậy cần buộc anh S phải bồi thường cho bà K phần tường bao theo biên bản định giá tài sản.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xem xét nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K về việc yêu cầu anh Lê Ngọc S và chị Đặng Thị T phải bồi thường phần tường bao của bà mà anh S đã phá dỡ trị giá theo biên bản định giá tài sản là 1.505.000 đồng. Đây là tranh chấp về bồi thường thiệt hại về tài sản (Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng) thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ngày 14 tháng 6 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên đã mở phiên tòa xét xử vụ án, tuy nhiên tại phiên tòa bị đơn là anh Lê Ngọc S vắng mặt có lý do, chị T vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án đã hoãn phiên tòa. Ngày 12 tháng 7 năm 2019 Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật, tuy nhiên ngày 12 tháng 7 năm 2019 kiểm sát viên phải đi tập huấn không thể tham gia phiên tòa được vì vậy phải hoãn phiên tòa, ngày 12 tháng 8 năm 2019 Tòa án tiếp tục mở phiên tòa, tại phiên tòa bị đơn là anh Lê Ngọc S và chị Đặng Thị T đều vắng mặt tại phiên không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Tại phiên tòa phát sinh nhiều tình tiết

mới, cần phải xác minh bổ sung tài liệu chứng cứ thì mới giải quyết được vụ án, vì vậy Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa. Ngày 30 tháng 8 năm 2019 Tòa án tiếp tục mở phiên tòa, tại phiên tòa bị đơn là anh Lê Ngọc S và chị Đặng Thị T đều vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xem xét đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị K và trình bày của chị Phạm Thị Y là người được bà K ủy quyền trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử xét thấy:

Qua quá trình xác minh thấy rằng việc trình bày của bà K về việc bà có xây bức tường tiếp giáp với phần công trình phụ của gia đình anh S vào cuối năm 2017, đã bị anh S phá dỡ vào tháng 2 năm 2018, Hội đồng xét xử xét thấy theo lời khai của các nhân chứng là ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Q, ông Phùng Văn S là những người trực tiếp tham gia xây tường cho bà K đều khẳng định vào cuối năm 2017 các ông đã xây cho bà Nguyễn Thị K phần tường bao có vị trí tiếp giáp bức tường nhà ngang của bà Nguyễn Thị K kéo dài đến giáp công trình phụ của anh Lê Ngọc S, là bức tường ngăn cách đất của anh S và bà K có chiều dài khoảng 7m, cao 1,5m. Ông Nguyễn Thế L là người đến nhà bà K xin lá ngứa chữa bệnh cũng khẳng định khoảng năm 2017 ông có thấy thợ khuân gạch và các nguyên vật liệu vào phía sau nhà bà K, ông có hỏi thì bà K trả lời là khuân nguyên vật liệu vào để xây lại bức tường. Mặt khác tại bản tự khai anh S khẳng định tháng 2 năm 2018 anh có phá phần công trình phụ của gia đình anh và toàn bộ phần móng vẫn được giữ nguyên, phần móng xây bằng gạch xỉ than trộn vôi đóng thủ công. Tuy nhiên quá trình xem xét thẩm định tại chỗ xác định toàn bộ phần móng công trình cũ vẫn còn, phần móng bức tường bà K yêu cầu bồi thường có chiều dài 8,05m được xây bằng đá chai (đá ong) và gạch chỉ, phần còn lại là gạch xỉ vôi. Như vậy về phần móng qua xem xét thẩm định không đúng như lời anh S trình bày mà có sự khác biệt, phù hợp lời trình bày của bà K và chị Y, do vậy có thể khẳng định phần móng của công trình phụ của anh S không kéo dài hết phần đất gianh giới giữa nhà bà K và anh S, mà có phần móng đoạn tường tiếp giáp từ công trình phụ của anh S đến bức tường nhà ngang của bà K. Việc bà K, chị Y trình bày có phần tường bao dài 8,05m là đúng.

Về phía anh S cho rằng anh không phá tường của bà K, nhà bà K không có bức tường phía sau nhà giáp đất của anh, mà đó là toàn bộ các công trình phụ của bố anh để lại và có đưa ra các nhân chứng là ông Nguyễn Tiến H, ông Nguyễn Tiến X, bà Nguyễn Thị N và cho rằng các ông, bà này đều biết việc bà K không có bức tường phía sau tiếp giáp đất của gia đình ông, tuy nhiên các nhân chứng này không khẳng định được về việc không có phần tường của bà Nguyễn Thị K.

Xét thấy lời khai của bà K phù hợp với kết quả thẩm định tại chỗ và lời khai của các nhân chứng vì vậy có thể khẳng định việc anh S đã phá dỡ bức tường của bà K vì vậy cần buộc anh S phải bồi thường cho bà K. Theo đơn khởi kiện bà K yêu cầu anh S và chị T phải bồi thường vì anh S, chị T đã thuê ông Kim Vĩ T phá tường của bà K, tuy nhiên tại bản khai ngày 28/8/2019 anh T khẳng định không biết gì về việc anh S tháo dỡ các công trình, mặt khác anh S thừa nhận việc tháo dỡ các công trình là do anh tự thực hiện không liên quan gì đến vợ anh là chị T, về phía bà K và chị Y cũng không chứng minh được việc chị T là người đã phá dỡ tường của bà K. Do vậy không đủ cơ sở khẳng định chị T là người phá dỡ tường của bà K mà chỉ có cơ sở để khẳng định anh S là người đã phá dỡ tường của bà K, anh S phải có trách nhiệm bồi thường cho bà K.

Theo đơn khởi kiện bà K trình bày bức tường của bà có chiều dài 7m, cao 1,5m. Tuy nhiên tại buổi khi xem xét thẩm định tại chỗ đã xác định phần công trình anh S phá dỡ vẫn còn móng, phần móng này được chia làm 02 phần, phần móng tường mà bà K yêu cầu giải quyết có chiều dài 8,05m xây bằng gạch đá ong và gạch chỉ, phần móng còn lại xây bằng gạch xỉ vôi. Vì vậy bà K đã thống nhất với kết quả thẩm định tại chỗ xác định chiều dài bức tường đã bị phá là 8,05m và đề nghị định giá, giải quyết buộc anh S phải bồi thường bức tường đã bị phá dỡ có chiều dài 8,05m, cao 1,5m, dày 15cm. Anh S không đồng ý bồi thường, tuy nhiên qua xác minh có đủ cơ sở chứng minh anh S đã phá dỡ tường của bà K, phần tường này hiện nay không còn nên không thể xác định được kích thước, anh S cũng không chứng minh được phần tường này kích thước bao nhiêu, vì vậy cần chấp nhận kích thước của phần tường này theo đề nghị của nguyên đơn. Tại phiên tòa bà K không đồng ý với kết quả định giá là 1.505.000 đồng mà giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện là 2.440.000 đồng. Xét thấy tại biên bản định giá ngày 13 tháng 5 năm 2019 bà K, và chị Y có không đưa ra giá của bức tường mà nhờ Hội đồng định giá, Hội đồng định giá đã tiến hành định giá kết luận trị giá bức tường do bà K yêu cầu bồi thường có trị giá 1.505.000 đồng. Sau khi định giá bà K và chị Y không có đơn yêu cầu hay thắc mắc gì, vì vậy chỉ có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K với trị giá bức tường là 1.505.000 đồng, buộc anh S phải bồi thường cho bà K 1.505.000 đồng.

[4] Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.000.000 đồng (Trong đó 400.000 đồng chi phí thẩm định tại chỗ và 600.000 đồng chi phí định giá tài sản), bà K đã nộp khoản tiền này. Do yêu cầu khởi kiện của bà K được chấp nhận nên anh S phải hoàn trả bà Nguyễn Thị K số tiền trên.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của bà K được chấp nhận nên anh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, bà K được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K. Buộc anh Lê Ngọc S phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị K bức tường mà anh S đã phá của bà K là 1.505.000 đồng (Một triệu năm trăm linh năm nghìn đồng).

2. Về chi phí tố tụng: Anh Lê Ngọc S phải hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị K số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tiền chi phí tố tụng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất 10%/năm.

3. Về án phí: Anh Lê Ngọc S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), hoàn trả bà Nguyễn Thị K 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo phiếu thu số AA/2017/0003275 ngày 14 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên, Vĩnh Phúc.

Các đương sự có mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Lưu HS + VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Thị Thủy